TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày 09-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2022/TLST-DS ngày 25/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-DS ngày 31/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Qu, sinh năm 1956; địa chỉ: 60/14 khu phố T B, phường Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Hữu H, sinh năm 1975; địa chỉ: 36/60 đường Ng Tr Ph, khu phố B Đ 4, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973; địa chỉ: 36/60 đường Ng Tr Ph, khu phố B Đ 4, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Qu trình bày:

Thông qua mối quan hệ đồng hương Thanh Hoá, ông Nguyễn Hồng Qu và ông Lê Hữu H có nhận nhau làm anh em kết nghĩa. Trong khoảng thời gian năm

2017 – 2018, ông H có nói với ông Qu là vợ chồng ông có công ty đang làm ăn rất hiệu quả và đề nghị ông Qu cho vay tiền để làm vốn làm ăn. Cụ thể:

Ngày 22/3/2017 vợ chồng ông H vay 500.000.000 đồng, hẹn 24/4/2017 sẽ trả.

Ngày 20/7/2017 ông H vay tiếp 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng.

Ngày 24/8/2017 ông H vay tiếp 100.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày.

Ngày 02/11/2017 ông H vay tiếp 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng.

Ngày 29/5/2018 ông H vay tiếp 300.000.000 đồng, hẹn đến 30/12/2018 trả.

Ngày 30/7/2018 ông H vay tiếp 30.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông Qu cho ông H vay là 1.330.000.000 đồng.

Tất cả có 06 lần ông Qu cho ông H vay tiền, trong đó có 05 lần có làm giấy vay tiền và 01 lần chuyển khoản. Trong 06 lần cho vay tiền thì có 02 lần có thoả thuận lãi, còn lại các lần khác không có thoả thuận lãi. Khoản vay ngày 20/7/2017 có thoả thuận lãi suất 3%/tháng và khoản vay ngày 29/5/2018 lãi suất 2%/tháng. Tuy có thoả thuận lãi nhưng ông H không trả lãi cho ông Qu lần nào.

Theo đơn khởi kiện ông Qu yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ gốc là 1.330.000.000 đồng và tiền lãi là 1.360.000.000 đồng. Tổng cộng 2.690.000.000 đồng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2023, ông Qu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H trả cho ông tiền gốc tổng cộng 1.330.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn + lãi quá hạn của 02 khoản vay có thoả thuận lãi nêu trên, còn những khoản vay còn lại do không có thoả thuận lãi nên ông Qu không yêu cầu tính lãi. Đồng thời, ông Qu chỉ yêu cầu ông Lê Hữu H trả nợ, không yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy vay tiền ngày 20/7/2017, giấy biên nhận tiền góp vốn kinh doanh ngày 02/11/2017, giấy vay tiền ngày 24/8/2017, giấy vay tiền ngày 29/5/2018, giấy vay tiền ngày 22/3/2017, giấy nộp tiền ngày 30/7/2018.

- *Đối với bị đơn ông Lê Hữu H và bà Nguyễn Thị H1:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án bằng hình thức niêm yết công khai và yêu cầu có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng Qu nhưng ông H và bà H1 không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Vào ngày 04/01/2023 và 30/01/2023, Tòa án triệu tập ông Huệ và bà Hải tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng ông H và bà H1 vắng mặt không có lý do. Đồng thời, ông H và bà H1 cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là hợp lệ.

Về nội dung vụ án, xét thấy nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hợp đồng vay tiền theo các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình tố tụng: Giấy vay tiền ngày 20/7/2017, giấy biên nhận tiền góp vốn kinh doanh ngày 02/11/2017, giấy vay tiền ngày 24/8/2017, giấy vay tiền ngày 29/5/2018, giấy vay tiền ngày 22/3/2017, giấy nộp tiền ngày 30/7/2018. Bị đơn chưa trả nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Lê Hữu H và bà Nguyễn Thị H1 đã được tống đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 17/02/2023 và ngày 09/3/2023 nhưng ông H và bà H1 vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ vay tiền giữa ông Nguyễn Hồng Qu với ông Lê Hữu H, theo lời khai của ông Qu và các chứng cứ do ông Qu cung cấp trong quá trình tố tụng thể hiện: Tổng số tiền vay là 1.330.000.000 đồng, được thể hiện bằng các giấy vay tiền vào các ngày 22/3/2017 (số tiền vay 500.000.000 đồng), 20/7/2017 (số tiền vay 200.000.000 đồng), 24/8/2017 (số tiền vay 100.000.000 đồng), 02/11/2017 (số tiền vay 200.000.000 đồng, giấy này ghi là "Giấy biên nhận tiền góp vốn kinh doanh nhưng ông Qu xác định thực chất cũng là cho vay), 29/5/2018 (số tiền vay 300.000.000 đồng) và Giấy nộp tiền ngày 30/7/2018 (số tiền vay 30.000.000 đồng). Cả 05 giấy vay tiền đều có chữ ký của bên vay là ông Lê Hữu H, riêng giấy vay tiền ngày 22/3/2017 có cả chữ ký của vợ ông H là bà Nguyễn Thị H1. Giấy nộp tiền ngày 30/7/2018 ông Nguyễn Hồng Qu nộp số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản của ông Lê Hữu H, có ghi nội dung "bát cháo lúc ốm", theo ông Qu khai là chuyển tiền cho ông H vay để mua vật tư dựng lều trại làm công trình ở Bình Thuận. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn ông H và bà H1 không có ý kiến hay cung cấp tài liệu chứng cứ để phản bác phần trình bày cũng như chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ nêu trên và lời khai của nguyên đơn ông Qu có cơ sở xác định ông Qu có cho ông H vay số tiền tổng cộng là 1.330.000.000 đồng.

[3] Theo quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*". Ông Qu xác định từ khi vay đến nay ông H chưa trả cho ông khoản tiền nào, kể cả tiền gốc và tiền lãi. Bị đơn ông H, bà H1 không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy, nay ông Qu khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền vay còn nợ là 1.330.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Quá trình tố tụng, ông Qu xác định chỉ yêu cầu ông H trả nợ, không yêu cầu bà H1. Đây là ý chí tự nguyện của ông Qu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tiền lãi: Tại Đơn khởi kiện ngày 19/10/2022 ông Qu yêu cầu ông H phải trả số tiền lãi là 1.360.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình tố tụng ông Qu có thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính tiền lãi đối với 02 khoản vay có thoả thuận lãi. Đây là ý chí tự nguyện của ông Qu nên Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét tính lãi theo quy định của pháp luật đối với 02 khoản vay mà ông Qu yêu cầu.

[5] Các khoản vay vào các ngày: 22/3/2017 (số tiền vay 500.000.000 đồng), 02/11/2017 (số tiền vay 200.000.000 đồng, giấy này ghi là "Giấy biên nhận tiền góp vốn kinh doanh nhưng ông Qu xác định thực chất cũng là cho vay, ông H không phản bác nên được xác định là tiền vay), 29/5/2018 (số tiền vay 300.000.000 đồng) và Giấy nộp tiền ngày 30/7/2018 ông Qu không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét tiền lãi đối với các khoản vay này.

[6] Đối với các khoản vay vào các ngày: 20/7/2017 và 29/5/2018 là 02 khoản vay có thời hạn và có lãi. Theo đó, khoản vay ngày 20/7/2017 thời hạn vay là 12 tháng, mức lãi suất hai bên thoả thuận là 3%/tháng; khoản vay ngày 29/5/2018 thời hạn vay đến ngày 30/12/2018, lãi suất thoả thuận là 2%/tháng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự về lãi suất: "*Lãi suất vay do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.... Trường hợp lãi suất theo thoả thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực"*. Như vậy, về lãi suất, ông Qu và ông H chỉ có thể thoả thuận mức lãi suất không quá 1.67%/tháng (20%/năm), trường hợp này ông Qu và ông H thoả thuận mức lãi suất là 2%/tháng và 3%/tháng nên phần lãi suất đã thoả thuận vượt quá 1.67%/tháng không có hiệu lực. Ông Qu xác định ông H chưa trả lãi, ông H cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả lãi nên nay ông Qu khởi kiện yêu cầu trả lãi vay và lãi quá hạn là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

[7] Khoản vay ngày 20/7/2017, số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất được điều chỉnh là 1.67%/tháng:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 20/7/2017 đến ngày 20/7/2018): 200.000.000 đồng x 1.67%/tháng x 12 tháng = 40.080.000 đồng (1);

- Tiền lãi của số tiền lãi chậm trả (tính từ ngày 21/7/2018 đến ngày 09/3/2023): 40.080.000 đồng x 10%/năm x 4 năm 7 tháng 16 ngày = 18.548.000 đồng (2);

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn (tính từ ngày 21/7/2018 đến ngày 09/3/2023): 200.000.000 đồng x 30%/năm x 4 năm 7 tháng 16 ngày = 277.666.000 đồng (3).

Số tiền lãi phải trả cho khoản vay này: (1) + (2) + (3) = 40.800.000 đồng + 18.548.000 đồng + 277.666.000 đồng = 336.294.000 đồng (I).

[8] Khoản vay ngày 29/5/2018, số tiền vay là 300.000.000 đồng, thời hạn vay đến 30/12/2018, lãi suất được điều chỉnh là 1.67%/tháng:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong thời hạn vay là 07 tháng 01 ngày (từ ngày 29/5/2018 đến ngày 30/12/2018): 300.000.000 đồng x 1.67%/tháng x 07 tháng 01 ngày = 35.237.000 đồng (1);

- Tiền lãi của số tiền lãi chậm trả (tính từ ngày 31/12/2018 đến ngày 09/3/2023): 35.167.000 đồng x 10%/năm x 4 năm 02 tháng 09 ngày = 14.767.000 đồng (2);

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn (tính từ ngày 31/12/2018 đến ngày 09/3/2023): 300.000.000 đồng x 30%/năm x 4 năm 02 tháng 09 ngày = 377.250.000 đồng (3).

Số tiền lãi phải trả cho khoản vay này: (1) + (2) + (3) = 35.237.000 đồng + 14.767.000 đồng + 377.250.000 đồng = 427.254.000 đồng (II).

[9] Tổng số tiền lãi ông H phải trả cho 02 khoản vay có lãi mà ông Qu có yêu cầu là: (I) + (II) = 336.294.000 đồng + 427.254.000 đồng = 763.548.000 đồng.

[10] Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Qu, buộc ông H phải trả cho ông Qu số tiền vay còn nợ là 1.330.000.000 đồng và tiền lãi 763.548.000 đồng. Tổng cộng: 2.093.548.000 đồng.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hữu H phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên tổng số tiền phải trả cho ông Nguyễn Hồng Qu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147 , 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng Qu đối với ông Lê Hữu H.

Buộc ông Lê Hữu H phải trả cho ông Nguyễn Hồng Qu số tiền 2.093.548.000 (hai tỷ không trăm chín mươi ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hữu H phải chịu 73.871.000 (bảy mươi ba triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**